

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế cho vay**  
**của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH TIỀN GIANG**

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi: Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023; Thông tư số 10/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngưng hiệu lực thi hành một số nội dung của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (đã được bổ sung tại Thông tư số 06/2023/TT-NHH ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023; Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 20/2001/QĐ.UB ngày 08 tháng 6 năm 2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐQL ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang về việc ban hành Quy chế cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang.

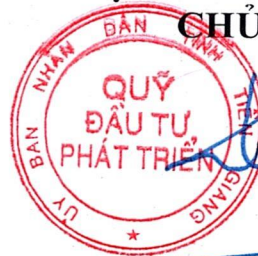
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 04/QĐ-HĐQL ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang ban hành Quy chế cho vay đầu tư của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang.

**Điều 3.** Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Website Quỹ ĐTPT;
- Lưu: VT, P.TĐ-TD (KN,3).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH  
Trần Văn Dũng



## QUY CHẾ

### Cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 13/QĐ-HĐQL ngày 09/9/2024  
của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc trực tiếp cho vay, ủy thác cho vay, cho vay hợp vốn của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang (gọi tắt là Quỹ) đối với các dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang.
- Khách hàng có nhu cầu vay vốn tại Quỹ (có chức năng vay vốn).
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong quá trình thực hiện cho vay của Quỹ.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “*Chủ đầu tư*” là pháp nhân được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.
- “*Cho vay*” là hình thức cấp tín dụng thông qua việc Quỹ giao hoặc cam kết giao cho chủ đầu tư một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định, trong một thời gian nhất định, với nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận cho Quỹ.
- “*Ủy thác cho vay*” là việc Quỹ (bên ủy thác) giao vốn bằng tiền cho một bên khác (bên nhận ủy thác) để cho vay đối với chủ đầu tư theo quy định.
- “*Cho vay hợp vốn*” là việc Quỹ làm đầu mối hoặc tham gia với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương khác, các tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác cùng cho vay vốn đầu tư một dự án thuộc đối tượng cho vay của các Quỹ phát triển địa phương tham gia.
- “*Khả năng tài chính*” là khả năng về vốn, tài sản, các nguồn tài chính hợp pháp khác của chủ đầu tư.
- “*Vốn chủ sở hữu*” gồm vốn điều lệ thực có, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

7. “*Thời hạn cho vay*” là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày Quỹ giải ngân vốn vay cho chủ đầu tư cho đến thời điểm chủ đầu tư trả hết nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận của Quỹ và chủ đầu tư. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn cho vay là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần, thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

8. “*Thời hạn ân hạn*” là khoảng thời gian được tính từ khi Quỹ giải ngân vốn vay đầu tiên đến khi chủ đầu tư bắt đầu trả nợ gốc được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trong thời gian ân hạn, chủ đầu tư chưa phải trả nợ gốc nhưng phải trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký.

9. “*Thời hạn trả nợ*” là khoảng thời gian từ khi trả nợ khoản vay lần đầu tiên cho đến khi trả hết nợ vay theo hợp đồng tín dụng (gốc và lãi vay).

10. “*Kỳ hạn trả nợ*” là các khoảng thời gian trong thời hạn cho vay đã thỏa thuận mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó chủ đầu tư phải trả một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay cho Quỹ.

11. “*Cơ cấu lại thời hạn trả nợ*” là việc Quỹ chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ như sau:

11.1. “*Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ*” là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/ hoặc lãi tiền vay của kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận), thời hạn cho vay không thay đổi.

11.2. “*Gia hạn nợ*” là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thỏa thuận.

12. “*Nợ quá hạn*” là khoản nợ mà chủ đầu tư không trả được đúng hạn một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận với Quỹ.

#### **Điều 4. Đối tượng cho vay**

Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành.
2. Không là công ty con của Quỹ.
3. Chủ đầu tư là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Điều kiện cho vay**

1. Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.
2. Dự án vay vốn được Quỹ thẩm định, đánh giá là dự án có hiệu quả, chủ đầu tư có khả năng trả được nợ vay.
3. Dự án vay vốn tuân thủ quy định của pháp luật đầu tư.

4. Chủ đầu tư mua bảo hiểm tài sản tại một doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với tài sản bảo đảm tiền vay thuộc đối tượng bắt buộc mua bảo hiểm trong suốt thời gian vay vốn.

5. Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Quỹ.

6. Không có nợ quá hạn tại Quỹ và không phát sinh nợ xấu tại các tổ chức tín dụng khác tại thời điểm Quỹ xét duyệt cho vay.

7. Có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, phù hợp với ngành nghề kinh doanh, đảm bảo các tiêu chí đánh giá tài chính, đặc biệt là khả năng thanh toán và chi trả.

#### **Điều 6. Nguyên tắc vay vốn**

Chủ đầu tư khi vay vốn tại Quỹ phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Sử dụng vốn đúng mục đích đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký với Quỹ.

2. Hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký với Quỹ.

#### **Điều 7. Thời hạn cho vay và thời gian ân hạn**

1. Thời hạn cho vay đối với từng dự án được xác định trên cơ sở kết quả thẩm định, khả năng thu hồi vốn của dự án, khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 năm.

2. Trường hợp cho vay vượt quá thời gian cho vay tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều này, Quỹ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Thời gian ân hạn được Quỹ và chủ đầu tư thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

#### **Điều 8. Bảo đảm tiền vay và cơ chế quản lý tài sản bảo đảm**

1. Bảo đảm tiền vay, cơ chế quản lý tài sản bảo đảm thực hiện theo Quyết định Quy chế bảo đảm tiền vay của Quỹ và các quy định hiện hành.

2. Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng ký giữa Quỹ và chủ đầu tư vay vốn.

#### **Điều 9. Lãi suất cho vay**

1. Thực hiện theo mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể do người có thẩm quyền quyết định cho vay quyết định nhưng không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm thực hiện.

3. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng lần đầu tiên và được cố định trong suốt thời gian vay vốn.

4. Khi đến hạn thanh toán mà chủ đầu tư không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì chủ đầu tư phải trả lãi tiền vay như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;

b) Trường hợp chủ đầu tư không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả với mức lãi suất bằng 150% nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì chủ đầu tư phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn ghi trong hợp đồng tín dụng.

#### **Điều 10. Đồng tiền cho vay và trả nợ**

Đồng tiền cho vay và trả nợ là đồng tiền Việt Nam.

#### **Điều 11. Giới hạn cho vay và thẩm quyền quyết định cho vay**

##### 1. Giới hạn cho vay

a) Giới hạn cho vay đối với một dự án tại thời điểm giải ngân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu đối với hoạt động cho vay của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn và không vượt quá 80% tổng mức vốn đầu tư của dự án (không bao gồm thuế giá trị gia tăng);

b) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ không vượt quá 25% vốn chủ sở hữu đối với hoạt động cho vay của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn;

c) Đối với một dự án, trường hợp Quỹ vừa cho vay vừa đầu tư thì tổng giới hạn đầu tư và cho vay tại thời điểm giải ngân không vượt quá 30% vốn chủ sở hữu đối với hoạt động cho vay của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn;

d) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Quy chế này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

##### 2. Thẩm quyền quyết định cho vay

a) Giám đốc Quỹ quyết định đối với dự án cho vay có giá trị không quá 2% vốn chủ sở hữu đối với hoạt động cho vay của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay;

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định đối với dự án cho vay có giá trị trên 2% đến 15% vốn chủ sở hữu đối với hoạt động cho vay của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với dự án cho vay có giá trị lớn hơn mức quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho vay quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 12. Trả nợ gốc và lãi tiền vay**

1. Căn cứ vào tình hình sản xuất, kinh doanh, khả năng tài chính và nguồn trả nợ của chủ đầu tư mà Quỹ thoả thuận việc trả nợ gốc và lãi tiền vay như sau:

- a) Trả nợ gốc, lãi tiền vay theo kỳ hạn riêng;
- b) Trả nợ gốc, lãi tiền vay trong cùng một kỳ hạn.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả nợ cho Quỹ theo đúng hợp đồng tín dụng.

3. Quỹ và chủ đầu tư có thể thoả thuận về điều kiện, số lãi vốn vay, phí phải trả (nếu có) trong trường hợp chủ đầu tư trả nợ trước hạn.

4. Đến hạn trả nợ, chủ đầu tư không trả được nợ vay của kỳ hạn đó và không được Quỹ chấp thuận cơ cấu lại thời gian trả nợ thì Quỹ sẽ chuyển số nợ gốc và lãi chậm trả sang nợ quá hạn. Đồng thời số nợ gốc và lãi chậm trả phải chịu lãi suất quá hạn theo khoản 4 Điều 9 của Quy chế này.

5. Trường hợp chủ đầu tư không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ, Quỹ thực hiện thu hồi nợ từ các tổ chức tín dụng nơi chủ đầu tư mở tài khoản giao dịch theo đúng cam kết ủy quyền cho Quỹ trích tài khoản của chủ đầu tư để thu hồi nợ (nếu có).

6. Trường hợp chủ đầu tư không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng đã ký; sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ mà vẫn không thu hồi được thì Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ.

Trình tự xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo Quy chế bảo đảm tiền vay của Quỹ và các quy định hiện hành về việc xử lý tài sản bảo đảm.

7. Quỹ và chủ đầu tư thoả thuận về thứ tự thu nợ gốc, lãi tiền vay. Đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, Quỹ thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau.

### **Điều 13. Ủy thác cho vay**

1. Quỹ được ủy thác cho các tổ chức tín dụng và các ngân hàng chính sách để cho vay dự án.

2. Việc ủy thác phải được thực hiện bằng văn bản ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

3. Chi phí dịch vụ ủy thác được trả cho các tổ chức nhận ủy thác theo mức ghi tại văn bản ủy thác.

### **Điều 14. Cho vay hợp vốn**

1. Quỹ được làm đầu mối hoặc tham gia cho vay hợp vốn với các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương khác, với tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác để cho vay dự án.

2. Dự án cho vay phải thuộc đối tượng cho vay của các Quỹ tham gia, đồng thời đáp ứng các điều kiện cho vay và giới hạn cho vay theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 11 của Quy chế này.

3. Việc cho vay hợp vốn được thực hiện theo hợp đồng ký kết giữa các bên, trong đó nêu rõ điều kiện, điều khoản cho vay, thẩm quyền cho vay, việc xử lý rủi ro theo quy định tại Quy chế xử lý rủi ro của Quỹ và các quy định hiện hành về xử lý rủi ro.

4. Lãi suất cho vay do các bên tham gia cho vay quyết định, được ghi trong hợp đồng và không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 15. Hồ sơ vay vốn**

Khi có nhu cầu vay vốn, chủ đầu tư phải gửi cho Quỹ các thông tin, tài liệu, dữ liệu chứng minh đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và các thông tin, tài liệu, dữ liệu khác do Quỹ hướng dẫn.

#### **Điều 16. Thẩm định và thẩm định lại dự án**

##### **1. Thẩm định dự án:**

Giám đốc Quỹ ban hành quy trình thẩm định dự án đầu tư để bảo đảm việc xem xét, đánh giá tính khả thi, hiệu quả của dự án đầu tư và khả năng hoàn trả nợ vay của chủ đầu tư để quyết định cho vay; đồng thời bảo đảm tính độc lập và phân định rõ trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cho vay.

##### **2. Quỹ thẩm định lại dự án đầu tư trong các trường hợp sau:**

a) Sau 12 tháng kể từ khi Quỹ có thông báo cho vay nhưng dự án chưa được triển khai thực hiện hoặc chưa giải ngân.

b) Trong thời hạn giải ngân mà chủ đầu tư có nhu cầu tăng mức vốn vay.

c) Các trường hợp cần thiết khác.

3. Các dự án vay vốn đã được phòng nghiệp vụ thẩm định hoặc thẩm định lại và trình cấp có thẩm quyền quyết định cho vay theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

#### **Điều 17. Thông báo cho vay**

1. Thông báo cho vay được Quỹ phát hành sau khi dự án được cấp có thẩm quyền quyết định cho vay.



2. Trường hợp Quỹ quyết định không cho vay, phải thông báo cho chủ đầu tư bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, căn cứ từ chối cho vay.

### **Điều 18. Hợp đồng tín dụng**

1. Việc cho vay của Quỹ và chủ đầu tư được lập thành hợp đồng tín dụng do Quỹ ban hành.

2. Nếu phát hiện những yếu tố ảnh hưởng đến an toàn tín dụng, Quỹ đình chỉ việc ký kết hợp đồng tín dụng.

3. Trường hợp dự án được đầu tư bằng vốn tín dụng của Quỹ và vốn vay của các tổ chức cho vay khác, việc ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo đảm tiền vay với các tổ chức cho vay khác phải đảm bảo không ảnh hưởng đến hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký với Quỹ.

### **Điều 19. Giải ngân vốn vay**

1. Vốn vay được giải ngân đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng theo các hình thức sau:

a) Giải ngân phần vốn vay của Quỹ sau khi chủ đầu tư đã tham gia hết phần vốn tự có và các nguồn vốn khác vào dự án;

b) Giải ngân theo tỷ lệ phần trăm (%) cơ cấu vốn tham gia đầu tư dự án (vốn tự có của chủ đầu tư, các nguồn vốn khác, vốn vay tại Quỹ);

c) Giải ngân theo các hạng mục công trình hoàn thành đã đăng ký và được Quỹ chấp thuận.

2. Khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, Quỹ chỉ giải ngân tối đa 95% số vốn chấp thuận cho vay và giải ngân 5% số vốn còn lại khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành của cấp có thẩm quyền và hoàn thành các thủ tục về thế chấp tài sản.

3. Quỹ có trách nhiệm và có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của chủ đầu tư.

4. Giám đốc Quỹ ban hành quy trình giải ngân và kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của chủ đầu tư phù hợp với đặc điểm hoạt động của Quỹ, tính chất của khoản vay nhằm bảo đảm hiệu quả và khả năng thu hồi vốn vay.

### **Điều 20. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay**

1. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro trong hoạt động cho vay của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật đối với ngân hàng thương mại.

2. Xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay thực hiện theo Quy chế xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay của Quỹ.

### **Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư**

1. Chủ đầu tư có quyền:

a) Đăng ký vay vốn theo quy định của Quỹ;

b) Từ chối các yêu cầu của Quỹ không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay;

c) Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Chủ đầu tư có nghĩa vụ:

a) Hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp. Tạo điều kiện để Quỹ thực hiện kiểm tra trước, trong và sau cho vay. Gửi đầy đủ báo cáo tài chính hàng năm cho Quỹ trong suốt thời gian vay vốn;

c) Sử dụng tiền vay đúng mục đích, thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các cam kết khác;

d) Trả nợ gốc và lãi vay cho Quỹ theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký;

đ) Có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ dự án thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc tại một công ty bảo hiểm được phép hoạt động tại Việt Nam;

e) Khi thực hiện chuyển đổi sở hữu phải thông báo bằng văn bản cho Quỹ để giải quyết khoản nợ vay theo quy định của pháp luật.

## **Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Quỹ**

1. Quỹ có quyền:

a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp tài liệu chứng minh dự án đầu tư, sản xuất kinh doanh - dịch vụ đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại Điều 5 quy chế này và các tài liệu về năng lực tài chính, tài sản bảo đảm tiền vay của mình hoặc của người bảo lãnh trước khi quyết định cho vay;

b) Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án Quỹ cho vay; định giá tài sản bảo đảm tiền vay;

c) Từ chối yêu cầu vay vốn của chủ đầu tư nếu thấy không đủ điều kiện vay vốn, hoặc Quỹ không có đủ nguồn vốn để cho vay;

d) Thu nợ gốc và lãi vốn vay theo quy định;

đ) Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân vay vốn tại Quỹ; tình hình tài sản bảo đảm tiền vay; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ cho vay; giám sát quá trình vay vốn và trả nợ của chủ đầu tư cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư;

e) Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện chủ đầu tư, người bảo lãnh cung cấp thông tin sai sự thật, sử dụng vốn vay không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay và các hồ sơ tín dụng có liên quan đã ký hoặc vi phạm pháp luật;

g) Khởi kiện chủ đầu tư, người bảo lãnh vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật. Quỹ thông báo cho chủ đầu tư về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn;

h) Khi đến hạn trả nợ mà chủ đầu tư không trả nợ, nếu các bên không có thỏa thuận khác, thì Quỹ có quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay theo sự thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với trường hợp chủ đầu tư được bảo lãnh vay vốn;

i) Xử lý rủi ro theo quy định tại Quy chế xử lý rủi ro và các quy định hiện hành về việc xử lý rủi ro; thực hiện quyết định của Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh đối với dự án được áp dụng các biện pháp xử lý rủi ro theo quy định.

2. Quỹ có nghĩa vụ:

a) Thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay;

b) Lưu giữ, bảo quản hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật;

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 23. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Quỹ ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ để thực hiện (nếu cần thiết).

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy chế này được thay đổi thì thực hiện theo quy định mới.

##### **Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ./.